

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỬ CHI  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2021/HS-ST  
Ngày 03 – 11 – 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Châu Trinh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Lợi
2. Bà Phan Thị Xuân Hương

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 205/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2021/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

Phạm Văn N, sinh năm 1986 tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Ấp Đ, xã L, thành phố M, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn H và bà Lê Thị T; bị cáo có vợ tên Lê Tường P, chưa có con; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Bị cáo đang bị công an thành phố M, tỉnh Cà Mau truy nã về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo bị tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 01/7/2021 và có mặt tại phiên tòa.

***- Bị hại:*** Ông Lê Văn H, sinh năm 1962; Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số 199/3 đường L, ấp L, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/6/2021, bị cáo N đến Tiệm cầm đồ K cầm cố 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha loại Nouvo, biển số: 69K7-0815 của bị cáo cho ông K, được số tiền 2.000.000 đồng. Đến khoảng 08 giờ 00 phút ngày 30/6/2021, bị cáo N mang giấy cầm xe và giấy đăng ký xe mô tô trên đến tiệm sửa xe của ông H nói cần bán chiếc xe mô tô trên cho ông H. Bị cáo dẫn ông H đến Tiệm cầm đồ K để xem xe. Sau khi xem xong, ông H đồng ý mua xe giá 2.500.000 đồng. Ông H và bị cáo cùng trở về tiệm sửa xe, ông H trả cho bị cáo 500.000 đồng, còn lại 2.000.000 đồng ông H trả cho Tiệm cầm đồ K để chuộc xe. Vào khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày khi ông H sang Tiệm cầm đồ K chuộc xe, bị cáo ở lại tiệm sửa xe của ông H và nhìn thấy chiếc xe mô tô màu trắng đen đỏ, hiệu Yamaha loại Exciter, biển số 59Y3-023.74 có cắm sẵn chìa khoá trên xe, không người trông giữ nên nảy sinh ý định trộm cắp xe. Chiếc xe này do bà Nguyễn Thị Thu N gửi tại tiệm sửa xe của ông H vào khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, để ông H sửa và quản lý xe. Lúc này, bị cáo đến đẩy xe mô tô biển số 59Y3-023.74 sang chỗ rửa xe bên hông nhà ông H, mở khoá nổ máy xe tẩu thoát ra Tỉnh lộ 8 hướng về tỉnh Long An tìm chỗ bán xe lấy tiền tiêu xài. Khi đến trước một tiệm bán nước ven đường thuộc địa phận xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, bị cáo dừng lại kiểm tra đồ vật trong cốp xe thì bị lực lượng Công an đến kiểm tra, phát hiện xe không có giấy đăng ký xe nên bàn giao về Công an xã Tân An Hội, huyện Củ Chi làm việc và bị cáo khai nhận hành vi phạm tội.

Kết luận định giá tài sản số 114/KL-HĐĐGTS ngày 05/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng - Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, kết luận (bút lục 87): 01 chiếc xe mô tô màu trắng đen đỏ, hiệu Yamaha loại Exciter, biển số 59Y3-023.74 có giá trị 30.000.0000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu. Bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút lấy chiếc xe mô tô màu trắng đen đỏ, hiệu Yamaha loại Exciter, biển số 59Y3-023.74 để có tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo thực hiện một mình.

Người bị hại ông H vắng mặt tại phiên tòa nhưng hồ sơ thể hiện ngày

30/6/2021 ông có nhận sửa xe và quản lý xe của bà Nguyễn Thị Thu N, Đến khoảng 08 giờ 00 phút ngày 30/6/2021, bị cáo N mang giấy cầm xe và giấy đăng ký xe mô tô trên đến tiệm sửa xe của ông nói cần bán chiếc xe mô tô trên cho ông H. Vào khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày trong lúc ông H đến tiệm cầm đồ để chuộc xe thì Ngộ ở lại tiệm sửa xe của ông H thì lén lút lấy chiếc xe mô tô màu trắng đen đỏ, hiệu Yamaha loại Exciter, biển số 59Y3-023.74 có cấm sẵn chìa khoá trên xe. Sau khi bị cáo bị bắt thì bà N là chủ sở hữu chiếc xe đã nhận lại xe, ông không bị thiệt hại gì nên ông không yêu cầu gì về phần dân sự đối với bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà nhưng hồ sơ thể hiện: Ngày 30/6/2021 bà Nguyễn Thị Thu N có giao xe mô tô màu trắng đen đỏ, hiệu Yamaha loại Exciter, biển số 59Y3-023.74 cho ông H sửa xe và quản lý xe thì bị mất trộm, sau đó bà đã nhận lại xe và không không yêu cầu gì về phần dân sự đối với bị cáo.

Tại bản cáo trạng số: 208/CT-VKS.CC ngày 27/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố bị cáo Phạm Văn N, về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phạm Văn N mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu N không yêu cầu bồi thường nên khoongxem xét đề nghị.

Vật chứng vụ án:

- Chiếc xe mô tô màu trắng đen đỏ, hiệu Yamaha loại Exciter, biển số 59Y3-023.74 đã trả cho chủ sở hữu.

- Đối với số số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm ngàn đồng) là tiền của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị trả lại cho bị cáo.

Tại phiên toà trong lời nói sau cùng bị cáo Phạm Văn N đã thấy được hành vi của mình là sai trái mong được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh:

Qua diễn biến tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy có cơ sở xác định: Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 30/6/2021 tại tiệm sửa xe của ông H, số 6 Tỉnh lộ 8, tổ 3, ấp Tam Tân, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo N có hành vi lén lút lấy trộm 01 chiếc xe mô tô màu trắng đen đỏ, hiệu Yamaha loại Exciter, biển số 59Y3-023.74 của bà Nguyễn Thị Thu N giao cho ông H sửa và quản lý xe, có giá trị 30.000.000 đồng (Kết luận định giá tài sản số 114/KL-HĐĐGTS ngày 05/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng - Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi).

Hành vi của bị cáo đã phạm tội Trộm cắp tài sản, phạm vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017. Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi truy tố bị cáo là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hơn nữa hành vi này đã gây mất trật tự an toàn xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến đời sống sinh hoạt của mọi người tại địa phương. Khi thực hiện hành vi bị cáo trên 18 tuổi nhận thức được hành vi của bị cáo là sai trái, phạm pháp nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội chỉ vì cần tiền tiêu xài. Hơn nữa bị cáo có nhân thân xấu đang bị công an thành phố M, tỉnh Cà Mau truy nã về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử lý bị cáo bằng một hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã khai báo thành khẩn trong quá trình điều tra làm rõ vụ án; cũng như tại phiên tòa và trong lời nói sau cùng thể hiện bị cáo đã có sự ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào về hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về thực hiện hoạt động tố tụng: Qua diễn biến phiên tòa cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chưa ghi nhận có việc khiếu nại hoặc phản ánh tại phiên tòa về hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên

và luật sư. Quá trình điều tra, truy tố các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền do luật định.

[4] Về vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự:

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng vụ án:

Đã trả cho chủ sở hữu chiếc xe mô tô màu trắng đen đỏ, hiệu Yamaha loại Exciter, biển số 59Y3-023.74 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Số tiền 400.000 đồng là tiền của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử xét trả lại cho bị cáo.

[5] Về án phí: Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; luật phí và lệ phí năm 2015; nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án để buộc bị cáo phải chịu khoản tiền chi phí tố tụng hình sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Tuyên bố bị cáo Phạm Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/7/2021.

[2] Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Phạm Văn N số tiền 400.000 (Bốn trăm ngàn) đồng.

[3] Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; luật phí, lệ phí năm 2015, nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) buộc bị cáo Phạm Văn N phải chịu.

[4] Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Riêng người bị

hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Công an huyện Củ Chi;
- THADS huyện Củ Chi;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Châu Trinh**